MỤC LỤC

Phần	1	_	PHÂN	MỞ	ĐẦU
	_		,		

Chương .	1 –	GIŐI	THIÊU

1.1.	Về phương pháp phân tích thiết kế hướng đối tượng	1
1.2.	Giới thiệu môn học Cấu trúc dữ liệu (CTDL) và giải thuật	1
1.3.	Cách tiếp cận trong quá trình tìm hiểu các lớp CTDL	4
1.3.1.	Các bước trong quá trình phân tích thiết kế hướng đối tượng	4
1.3.2.	Quá trình xây dựng các lớp CTDL	5
1.4.	Một số định nghĩa cơ bản	6
1.4.1.	Định nghĩa kiểu dữ liệu	6
1.4.2.	Kiểu nguyên tố và các kiểu có cấu trúc	6
1.4.3.	Chuỗi nối tiếp và danh sách	6
1.4.4.	Các kiểu dữ liệu trừu tượng	7
1.5.	Một số nguyên tắc và phương pháp để học tốt môn CTDL và giải	
	thuật	8
1.5.1.	Cách tiếp cận và phương hướng suy nghĩ tích cực	8
1.5.2.	Các nguyên tắc	9
1.5.3.	Phong cách lập trình (style of programming) và các kỹ năng:	10
1.6.	Giới thiệu về ngôn ngữ giả:	14
	2 – CÁC CẤU TRÚC DỮ LIỆU 2 – NGĂN XẾP	
2.1.	Định nghĩa ngăn xếp	17
2.2.	Đặc tả ngăn xếp	18
2.3.	Các phương án hiện thực ngăn xếp	22
2.4.	Hiện thực ngăn xếp	22
2.4.1.	Hiện thực ngăn xếp liên tục	22
2.4.2.	Hiện thực ngăn xếp liên kết	25
2.4.3.	Ngăn xếp liên kết với sự an toàn	29
2.4.4.	Đặc tả ngăn xếp liên kết đã hiệu chỉnh	34

Chương 3 - HÀNG ĐỢI 3.1. Định nghĩa hàng......37 3.2. 3.3. Các phương án hiện thực hàng......41 3.3.1. Các phương án hiện thực hàng liên tục......41 3.3.2. Phương án hiện thực hàng liên kết......45 3.4. 3.4.1. 3.4.2. 3.4.3. Chương 4 – DANH SÁCH 4.1. 4.2. 4.3. 4.3.1. Hiện thực danh sách liên tục......54 4.3.2. Hiện thực danh sách liên kết đơn giản 56 4.3.3. 4.3.4. 4.4. 4.5. 4.5.1. Phương pháp......67 4.5.2. Các tác vụ quản lý vùng nhớ.......70 4.5.3. 4.5.4. Chương 5 - CHUΘI KÝ TƯ 5.1. 5.2. 5.2.1. 5.2.2. Một số constructor tiện dụng......77 5.3. Hiện thực lớp String......79 5.4. 5.5.

Giải thuật Knuth-Morris-Pratt......85

5.5.1.

5.5.2.

Chương 6 – Đ $\hat{\mathbf{E}}$ QUY

6.1.	Giới thiệu về đệ quy	91
6.1.1.	Cơ cấu ngăn xếp cho các lần gọi hàm	91
6.1.2.	Cây biểu diễn các lần gọi hàm	92
6.1.3.	Giai thừa: Một định nghĩa đệ quy	93
6.1.4.	Chia để trị: Bài toán Tháp Hà Nội	95
6.2.	Các nguyên tắc của đệ quy	100
6.2.1.	Thiết kế giải thuật đệ quy	100
6.2.2.	Cách thực hiện của đệ quy	102
6.2.3.	Đệ quy đuôi	104
6.2.4.	Phân tích một số trường hợp nên và không nên dùng đệ quy	y106
6.2.5.	Các nhận xét	110
6.3. I	Phương pháp quay lui (backtracking)	112
6.3.1.	Lời giải cho bài toán tám con hậu	112
6.3.2.	Ví dụ với bốn con Hậu	114
6.3.3.	Phương pháp quay lui (Backtracking)	115
6.3.4.	Phác thảo chung cho chương trình đặt các con hậu lên bàn c	cờ115
6.3.5.	Tinh chế: Cấu trúc dữ liệu đầu tiên và các phương thức	118
6.3.6.	Xem xét lại và tinh chế	120
6.3.7.	Phân tích về phương pháp quay lui	124
6.4.	Các chương trình có cấu trúc cây: dự đoán trước trong các trò ch	ơi127
6.4.1.	Các cây trò chơi	127
6.4.2.	Phương pháp Minimax	128
6.4.3.	Phát triển giải thuật	130
6.4.4.	Tinh chế	131
6.4.5.	Tic-Tac-Toe	132
Chương	7 – TÌM KIẾM	
7.1.	Giới thiệu	137
7.1.1.	Khóa	137
7.1.2.	Phân tích	137
7.1.3.	Tìm kiếm nội và tìm kiếm ngoại	137
7.1.4.	Lớp Record và lớp Key	138
7.1.5.	Thông số	139
79	Cìm kiấm tuần tư	130

7.2.1.	Giải thuật và hàm	139
7.2.2.	Phân tích	140
7.3.	Tìm kiếm nhị phân	141
7.3.1.	Danh sách có thứ tự	142
7.3.2.	Xây dựng giải thuật	143
7.3.3.	Phiên bản thứ nhất	143
7.3.4.	Nhận biết sớm phần tử có chứa khóa đích	145
7.4.	Cây so sánh	147
Chương	8 – SÁP XÉP	
8.1.	Giới thiệu	149
8.2.	Sắp xếp kiểu chèn (Insertion Sort)	150
8.2.1.	Chèn phần tử vào danh sách đã có thứ tự	150
8.2.2.	Sắp xếp kiểu chèn cho danh sách liên tục	151
8.2.3.	Sắp xếp kiểu chèn cho danh sách liên kết	153
8.3.	Sắp xếp kiểu chọn (Selection Sort)	155
8.3.1.	Giải thuật	155
8.3.2.	Sắp xếp chọn trên danh sách liên tục	156
8.4.	Shell_sort	158
8.5.	Các phương pháp sắp xếp theo kiểu chia để trị	160
8.5.1.	Ý tưởng cơ bản	160
8.5.2.	Ví dụ	161
8.6.	Merge_sort cho danh sách liên kết	164
8.7.	Quick_sort cho danh sách liên tục	167
8.7.1.	Các hàm	167
8.7.2.	Phân hoạch danh sách	168
8.8.	Heap và Heap_sort	170
8.8.1.	Định nghĩa heap nhị phân	171
8.8.2.	Phát triển giải thuật Heap_sort	172
8.9.	Radix Sort	176
8.9.1.	Ý tưởng	177
8.9.2.	Hiện thực	177
8.9.3.	Phân tích phương pháp radix_sort	181
Chươn	g 9 – CÂY NHỊ PHÂN	
9.1.	Các khái niệm cơ bản về cây	183

9.2. Câ	y nhị phân	185
9.2.1.	Các định nghĩa	185
9.2.2.	Duyệt cây nhị phân	187
9.2.3.	Hiện thực liên kết của cây nhị phân	193
9.3. Câ	y nhị phân tìm kiếm	197
9.3.1.	Các danh sách có thứ tự và các cách hiện thực	198
9.3.2.	Tìm kiếm trên cây	199
9.3.3.	Thêm phần tử vào cây nhị phân tìm kiếm	203
9.3.4.	Sắp thứ tự theo cây	206
9.3.5.	Loại phần tử trong cây nhị phân tìm kiếm	207
9.4. Xâ	y dựng một cây nhị phân tìm kiếm	210
9.4.1.	Thiết kế giải thuật	212
9.4.2.	Các khai báo và hàm main	213
9.4.3.	Thêm một nút	214
9.4.4.	Hoàn tất công việc	215
9.4.5.	Đánh giá	217
9.5. Câ	n bằng chiều cao: Cây AVL	218
9.5.1.	Định nghĩa	218
9.5.2.	Thêm một nút	222
9.5.3.	Loại một nút	230
9.5.4.	Chiều cao của cây AVL	234
Chương 10	– CÂY NHIỀU NHÁNH	
10.1. Vư	ờn cây, cây, và cây nhị phân	237
10.1.1.	Các tên gọi cho cây	237
10.1.2.	Cây có thứ tự	239
10.1.3.	Rừng và vườn	241
10.1.4.	Sự tương ứng hình thức	243
10.1.5.	Phép quay	244
10.1.6.	Tổng kết	244
10.2. Câ	y từ điển tìm kiếm: Trie	245
10.2.1.	Tries	245
10.2.2.	Tìm kiếm một khóa	245
10.2.3.	Giải thuật C++	246
10.2.4.	Tìm kiếm trong cây Trie	247
10.2.5.	Thêm phần tử vào Trie	247
10 2 6	Loại nhận tử trong Tria	248

10.2.	.7. Truy xuất Trie	248
10.3.	Tìm kiếm ngoài: B-tree	249
10.3.	.1. Thời gian truy xuất	249
10.3.	.2. Cây tìm kiếm nhiều nhánh	250
10.3.	.3. Cây nhiều nhánh cân bằng	250
10.3.	.4. Thêm phần tử vào B-tree	251
10.3.	.5. Giải thuật C++: tìm kiếm và thêm vào	253
10.3.	.6. Loại phần tử trong B-tree	263
10.4.	Cây đỏ-đen	271
10.4.	.1. Dẫn nhập	271
10.4.	.2. Định nghĩa và phân tích	272
10.4.	.3. Đặc tả cây đỏ đen	274
10.4.	.4. Thêm phần tử	276
10.4.	.5. Phương thức thêm vào. Hiện thực	279
10.4.	.6. Loại một nút	282
	g 11 – HÀNG ƯU TIÊN	999
11.1.	Định nghĩa hàng ưu tiên	
11.2.	Các phương án hiện thực hàng ưu tiên	
11.3.	Hiện thực các tác vụ cơ bản trên heap nhị phân	
11.3.		
11.3.	• • •	
11.4.		
	.1. Tác vụ tìm phần tử lớn nhất	
11.4.		
11.4. 11.5.	1	
11.5. 11.5.	Một số phương án khác của heap	
11.5.		
11.5.		
11.5.		
11.0.	.i. Hang mi mac (Binomial Queue)	
Chương .	12 – BẢNG VÀ TRUY XUẤT THÔNG TIN	
12.1.	Dẫn nhập: phá vỡ rào cản lgn	305
12.2.	Các bảng chữ nhật	306
12.2.	.1. Thứ tự ưu tiên hàng và thứ tự ưu tiên cột	306

12.2.2.	Đánh chỉ số cho bảng chữ nhật	307
12.2.3.	Biến thể: mảng truy xuất	308
12.3. Các	bảng với nhiều hình dạng khác nhau	308
12.3.1.	Các bảng tam giác	309
12.3.2.	Các bảng lồi lõm	310
12.3.3.	Các bảng chuyển đổi	311
12.4. Bản	ng: Một kiểu dữ liệu trừu tượng mới	313
12.4.1.	Các hàm	313
12.4.2.	Một kiểu dữ liệu trừu tượng	314
12.4.3.	Hiện thực	315
12.4.4.	So sánh giữa danh sách và bảng	315
12.5. Bản	ng băm	317
12.5.1.	Các bảng thưa	317
12.5.2.	Lựa chọn hàm băm	318
12.5.3.	Phác thảo giải thuật cho các thao tác dữ liệu trong bảng băm	321
12.5.4.	Ví dụ trong C++	322
12.5.5.	Giải quyết đụng độ bằng phương pháp địa chỉ mở	323
12.5.6.	Giải quyết đụng độ bằng phương pháp nối kết	323
12.6. Phâ	in tích bảng băm	331
12.6.1.	Điều ngạc nhiên về ngày sinh	331
12.6.2.	Đếm số lần thử	332
12.6.3.	Phân tích phương pháp nối kết	332
12.6.4.	Phân tích phương pháp địa chỉ mở	333
12.6.5.	Các so sánh lý thuyết	334
12.6.6.	Các so sánh thực nghiệm	335
12.7. Kết	luận: so sánh các phương pháp	336
Chương 13	– Đồ THỊ	
13.1. Nềr	n tảng toán học	339
13.1.1.	Các định nghĩa và ví dụ	339
13.1.2.	Đồ thị vô hướng	340
13.1.3.	Đồ thị có hướng	341
13.2. Biểu	u diễn bằng máy tính	341
13.2.1.	Biểu diễn của tập hợp	342
13.2.2.	Danh sách kề	344
13.2.3.	Các thông tin khác trong đồ thị	346
13.3. Duy	/ệt đồ thị	346

13.3.1	L. Các phương pháp	346
13.3.2	2. Giải thuật duyệt theo chiều sâu	347
13.3.3	3. Giải thuật duyệt theo chiều rộng	348
13.4.	Sắp thứ tự topo	349
13.4.1	l. Đặt vấn đề	349
13.4.2	2. Giải thuật duyệt theo chiều sâu	350
13.4.3	3. Giải thuật duyệt theo chiều rộng	352
13.5.	Giải thuật Greedy: Tìm đường đi ngắn nhất	353
13.5.1	I. Đặt vấn đề	353
13.5.2	2. Phương pháp	354
13.5.3	3. Ví dụ	356
13.5.4	4. Hiện thực	356
13.6.	Cây phủ tối tiểu	357
13.6.1	I. Đặt vấn đề	357
13.6.2	2. Phương pháp	359
13.6.3	3. Hiện thực	361
13.6.4	4. Kiểm tra giải thuật Prim	362
		201
13.7.	Sử dụng đồ thị như là cấu trúc dữ liệu	304
Phần S	3 - CÁC ỨNG DỤNG CỦA CÁC LỚP CTD	
Phần S Chương	3 – CÁC ỨNG DỤNG CỦA CÁC LỚP CTD 3 14 – ỨNG DỤNG CỦA NGĂN XẾP	L
Phần S Chương 14.1.	B – CÁC ỨNG DỤNG CỦA CÁC LỚP CTD 14 – ỨNG DỤNG CỦA NGĂN XẾP Đảo ngược dữ liệu	L 365
Phần S C hương 14.1. 14.2.	B – CÁC ỨNG DỤNG CỦA CÁC LỚP CTD 14 – ỨNG DỤNG CỦA NGĂN XẾP Đảo ngược dữ liệu Phân tích biên dịch (parsing) dữ liệu	L 365 366
Phần 3 Chương 14.1. 14.2. 14.3.	B – CÁC ỨNG DỤNG CỦA CÁC LỚP CTD 14 – ỨNG DỤNG CỦA NGĂN XẾP Đảo ngược dữ liệu	L 365 366 368
Phần 3 Chương 14.1. 14.2. 14.3. 14.3.1	B – CÁC ỨNG DỤNG CỦA CÁC LỚP CTD 14 – ỨNG DỤNG CỦA NGĂN XẾP Đảo ngược dữ liệu	L 365 366 368 368
Phần 3 Chương 14.1. 14.2. 14.3. 14.3.1 14.3.2	B – CÁC ỨNG DỤNG CỦA CÁC LỚP CTD 14 – ỨNG DỤNG CỦA NGĂN XẾP Đảo ngược dữ liệu Phân tích biên dịch (parsing) dữ liệu Trì hoãn công việc L. Ứng dụng tính trị của biểu thức postfix 2. Ứng dụng chuyển đổi biểu thức dạng infix thành dạng postfix	365 366 368 368
Phần 3 Chương 14.1. 14.2. 14.3. 14.3.1 14.3.2	B - CÁC ỨNG DỤNG CỦA CÁC LỚP CTD 14 - ỨNG DỤNG CỦA NGĂN XẾP Đảo ngược dữ liệu	365 366 368 368 371 372
Phần 3 Chương 14.1. 14.2. 14.3. 14.3.1 14.4.1	B – CÁC ỨNG DỤNG CỦA CÁC LỚP CTD 14 – ỨNG DỤNG CỦA NGĂN XẾP Đảo ngược dữ liệu	365 366 368 371 372 372
Phần 3 Chương 14.1. 14.2. 14.3. 14.3.1 14.3.2	B – CÁC ỨNG DỤNG CỦA CÁC LỚP CTD 14 – ỨNG DỤNG CỦA NGĂN XẾP Đảo ngược dữ liệu	365 366 368 371 372 372
Phần 3 Chương 14.1. 14.2. 14.3. 14.3. 14.4. 14.4.1 14.4.2	B – CÁC ỨNG DỤNG CỦA CÁC LỚP CTD 14 – ỨNG DỤNG CỦA NGĂN XẾP Đảo ngược dữ liệu	365 366 368 371 372 372
Phần 3 Chương 14.1. 14.2. 14.3. 14.3. 14.4. 14.4.1 14.4.2	B - CÁC ỨNG DỤNG CỦA CÁC LỚP CTD 14 - ỨNG DỤNG CỦA NGĂN XẾP Đảo ngược dữ liệu	365 366 368 371 372 372
Phần 3 Chương 14.1. 14.2. 14.3. 14.3. 14.4. 14.4.3 Chương	B - CÁC ỨNG DỤNG CỦA CÁC LỚP CTD 14 - ỨNG DỤNG CỦA NGĂN XẾP Đảo ngược dữ liệu	365 366 368 371 372 375

15.4.	Tính trị cho biểu thức <i>prefix</i>	378
15.5.	Ứng dụng phép tính trên đa thức	378
15.5	.1. Mục đích của ứng dụng	378
15.5	.2. Chương trình	378
15.5	.3. Cấu trúc dữ liệu của đa thức	381
15.5	.4. Đọc và ghi các đa thức	384
15.5	.5. Phép cộng đa thức	385
15.5	.6. Hoàn tất chương trình	386
Chươn	ng 16 – ỨNG DỤNG XỬ LÝ VĂN BẢ	N
16.1.	Các đặc tả	387
16.2.	Hiện thực	
16.2	.1. Chương trình chính	388
16.2		
16.2	.3. Nhận lệnh từ người sử dụng	390
16.2		
16.2	.5. Đọc và ghi tập tin	392
16.2	.6. Chèn một hàng	393
16.2	.7. Tìm một chuỗi ký tự	393
16.2	.8. Biến đổi chuỗi ký tự	394
Chươn	g 17 – ỨNG DỤNG SINH CÁC HOÁ	N VĮ
17.1.	Ý tưởng	395
17.2.	Tinh chế	
17.3.	Thủ tục chung	396
17.4.	Tối ưu hóa cấu trúc dữ liệu để tăng tốc độ cho ch	ương trình sinh các
	hoán vị	
17.5.	Chương trình	398
Chươn	g 18 – ỨNG DỤNG DANH SÁCH LI	ÊN KẾT VÀ
Situoit	BẢNG BĂM	TIVE VII
18.1.	Giới thiệu về chương trình Game_Of_Life	401
18.2.	Các ví dụ	
18.3.	Giải thuật	402
18.4.	Chương trình chính cho Game Of Life	

Mục lục

18.4.1.	Phiên bản thứ nhất cho lớp Life	404
18.4.2.	Phiên bản thứ hai với CTDL mới cho Life	407